TP. HỒ CHÍ MINH - QUẬN BÌNH TÂN

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

DUYỆT QHCT
ĐÍNH KÈM QUYẾT ĐỊNH
SỐ:_____
Ngày_____
CỦA UBND QUẬN BÌNH TÂN
TM.UBND QUẬN BÌNH TÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Văn Bửu

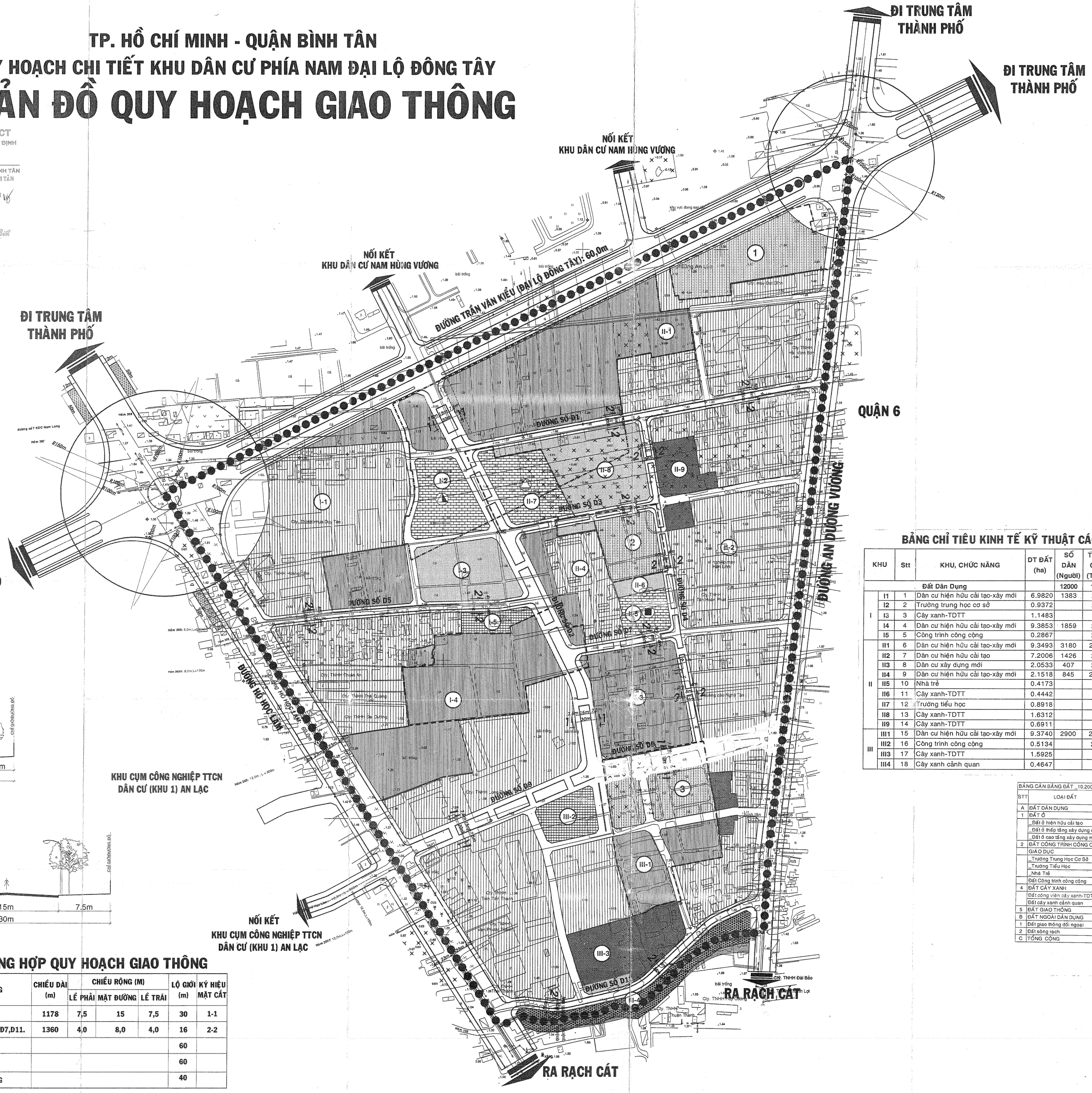

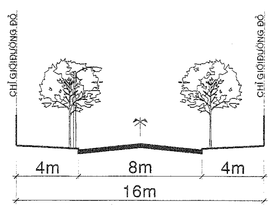

MẶT CẮT 2- 2 TL:1/100.

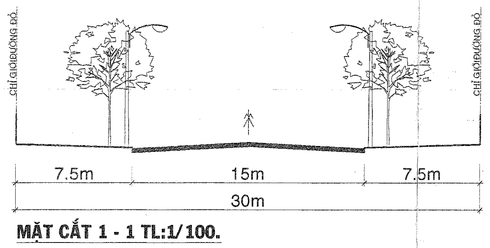

MẶT CẮT 1 - 1 TL:1/100.

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	CHIỀU RỘNG (M)			LỘ GIỚI (m)	KÝ HIỆU MẶT CẮT
			LỀ PHẢI	MẶT ĐƯỜNG	LỀ TRÁI		
1	ĐƯỜNG SỐ D2,D9	1178	7,5	15	7,5	30	1-1
2	ĐƯỜNG SỐ D1,D3,D4,D5,D7,D11.	1360	4,0	8,0	4,0	16	2-2
3	ĐƯỜNG HỒ HỌC LÃM					60	
4	ĐƯỜNG TRẦN VĂN KIỀU (ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY)					60	
5	ĐƯỜNG AN DƯƠNG VƯƠNG					40	

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CÁC KHU CHỨC NĂNG

KHU		Stt	KHU, CHỨC NĂNG	DT ĐẤT (ha)	SỐ DÂN (Người)	TẦNG CAO (Tầng)	MĐXD %	HỆ SỐ SDD
Đất Dân Dụng					12000	1-12	5-40	0.05-5.8
I	I1	1	Dân cư hiện hữu cải tạo-xây mới	6.9820	1383	2-3	30-40	0.9-1.2
	I2	2	Trường trung học cơ sở	0.9372		2-3	25	0.75
	I3	3	Cây xanh-TDTT	1.1483		1	5	0.06
	I4	4	Dân cư hiện hữu cải tạo-xây mới	9.3853	1859	2-3	30-40	0.9-1.2
	I5	5	Công trình công cộng	0.2867		2-3	25	0.75
II	II1	6	Dân cư hiện hữu cải tạo-xây mới	9.3493	3180	2-12	30-40	0.8-5.8
	II2	7	Dân cư hiện hữu cải tạo	7.2006	1426	2-3	30-40	0.9-1.2
	II3	8	Dân cư xây dựng mới	2.0533	407	2-3	30-40	0.9-1.2
	II4	9	Dân cư hiện hữu cải tạo-xây mới	2.1518	845	2-16	30-40	0.8-6.4
	II5	10	Nhà trẻ	0.4173		2	25	0.5
	II6	11	Cây xanh-TDTT	0.4442		1	5	0.05
	II7	12	Trường tiểu học	0.8918		2	25	0.5
	II8	13	Cây xanh-TDTT	1.6312		1	5	0.05
	II9	14	Cây xanh-TDTT	0.6911		1	5	0.05
III	III1	15	Dân cư hiện hữu cải tạo-xây mới	9.3740	2900	2-10	30-40	0.8-4
	III2	16	Công trình công cộng	0.5134		2-3	25	0.75
	III3	17	Cây xanh-TDTT	1.5925		1	5	0.05
	III4	18	Cây xanh cảnh quan	0.4647		-	-	-

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT _10.200-12000(người).

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	CHỈ TIÊU (m2/người)
A	ĐẤT DÂN DỤNG	63.9170	89.77	62.66
1	ĐẤT Ở	38.7809	54.47	38.02
	_Đất ở hiện hữu cải tạo	21.1651		
	_Đất ở thấp tầng xây dựng mới	13.9404		
	_Đất ở cao tầng xây dựng mới	3.6754		
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘN	3.0464	4.28	2.99
	GIÁO DỤC	2.2463		
	_Trường Trung Học Cơ Sở	0.9372		
	_Trường Tiểu Học	0.8918		
	_Nhà Trẻ	0.4173		
	Đất Công trình công cộng	0.8001		
4	ĐẤT CÂY XANH	5.2809	7.42	5.18
	Đất công viên cây xanh-TDTT	4.8162		
	Đất cây xanh cảnh quan	0.4647		
5	ĐẤT GIAO THÔNG	16.8088		16.48
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	7.2830	10.23	
1	Đất giao thông đối ngoại	6.6580		
2	Đất sông rạch	0.6250		
C	TỔNG CỘNG	71.2000	100.00	

TỶ LỆ 1/2.000

GHI CHÚ :

I.NHỮNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRÊN KHU VỰC

1. CÔNG TY SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG BÌNH TIÊN (BITI'S).
   - QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT SỐ :
   - TỜ TRÌNH SỐ
2. KHU NHÀ Ở LÊ THÀNH A
   - QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT SỐ :
   - TỜ TRÌNH SỐ
3. KHU NHÀ Ở LÊ THÀNH B
   - QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT SỐ :
   - TỜ TRÌNH SỐ

KÍ HIỆU:

- ĐẤT TRUNG TÂM CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC
- ĐẤT Ở XÂY DỰNG MỚI
- ĐẤT Ở HIỆN HỮU CẢI TẠO
- ĐẤT Ở CAO TẦNG XÂY DỰNG MỚI
- CÂY XANH CÔNG VIÊN-TDTT
- CÂY XANH CẢNH QUAN.
- SÔNG RẠCH
- ĐẤT DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ
- RANH DỰ ÁN
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG HIỆN HỮU NÂNG CẤP
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG DỰ KIẾN
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- NHÀ TRẺ

KÝ HIỆU KHU Ở: 1-3 — THỨ TỰ LÔ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT :
UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ :

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH :
SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP. HCM

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ :

CHỦ ĐẦU TƯ :
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN QUẬN BÌNH TÂN

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ :

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY

TÊN BẢN VẼ
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

BẢN VẼ KT : 06/06	TỶ LỆ : 1 / 2000	NGÀY : 01 - 12 - 06
THỂ HIỆN	Kts: LÂM VĂN MINH	
THIẾT KẾ	Kts:ĐỖ NGUYỄN PHONG	
CHỦ NHIỆM	Kts:NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	Ths:KHU NGỌC ANH VŨ	
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÚ HƯNG
ĐỊA CHỈ: 666 KINH DƯƠNG VƯƠNG_AN LẠC_QUẬN BÌNH TÂN-ĐT: 08-7520864

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY
TÊN BẢN VẼ : BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG